TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 11 - 2018.
V/v *" Tranh chấp ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Tô Thị B**, sinh năm: 1980. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 21, khu phố H, TT.LH, huyện L, tỉnh B.

- Bị đơn: **Ông Trần Đình A**, sinh năm: 1978. (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 21, khu phố H TT.LH, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tô Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị B và ông Trần Đình A chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Q, tỉnh P, bà B và ông A tự nguyện chung sống không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hiểu nhau, thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn nhưng không thành, do đó bà B và ông A đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, hiện nay không còn quan hệ với nhau về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay bà B không còn tình cảm với ông A nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Bà B và ông A có 02 người con chung là Trần Văn Q, sinh ngày: 16/12/1999 và Trần Đình Mỹ K, sinh ngày: 05/01/2007, cháu Q đã trên 18 tuổi tâm sinh lý phát triển bình thường, bà B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung – Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Đình A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng đối với ông Trần Đình A tại nơi ông A đang sinh sống và đăng ký tạm trú là: Tổ 21, khu phố H, TT.LH, huyện L, tỉnh B, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn LH và Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

* Nguyện vọng của cháu Trần Đình Mỹ K là mong muốn được ở với bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu về quá trình giải quyết vụ án: Về tố tụng: Xác định việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX và nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng không chấp hành. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung cháu Trần Văn Q đã trên 18 tuổi tâm sinh lý phát triển bình thường, đề nghị giao cháu K cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Tô Thị B yêu cầu ly hôn với ông Trần Đình A, ông A cư trú tại huyện Long Điền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông A được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông A theo Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Tô Thị B và ông Trần Đình A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà B và ông A là hợp pháp. Bà B và ông A chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do do vợ chồng không còn hiểu và yêu thương nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi khiến cho đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2013 cho tới nay, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông A là có thật và trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở để cho bà B ly hôn với ông A.

[3] Về con chung: Bà B và ông A có 02 người con chung là Trần Văn Q, sinh ngày: 16/12/1999 và Trần Đình Mỹ K, sinh ngày: 05/01/2007, cháu Q đã trên 18 tuổi tâm sinh lý phát triển bình thường nên không xét đến, bà B yêu cầu được trực tiếp

nuôi dưỡng cháu K và cháu K cũng có mong muốn được ở với bà B, do đó cần giao cháu K cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[6] Tài sản chung và nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị B về việc "Tranh chấp ly hôn" với ông Trần Đình A.

1/- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị B được ly hôn với ông Trần Đình A.

2/- Về con chung: Bà B và ông A có 02 người con chung là Trần Văn Q, sinh ngày: 16/12/1999 và Trần Đình Mỹ K, sinh ngày: 05/01/2007, cháu Q đã trên 18 tuổi tâm sinh lý phát triển bình thường. Giao cháu K cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông A không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà B không yêu cầu.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nếu ông A lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông A.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bà Tô Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu số 000781 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, bà B đã nộp đủ. Ông Trần Đình A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2018), các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-

Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND H.Long Điền;
- UBND xã M, H.Q, tỉnh P;
- TAND tỉnh BRVT;
- THADS H.Long Điền
- Lưu hồ sơ vụ án; AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Dung